

Số: 39/KH-THTY

Thanh Yên, ngày 14 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và Đề án 06 năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 3014/SGDDĐT-QLCL, ngày 06/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và Đề án 06 năm học 2025-2026.

Thực hiện Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025-2026 ban hành kèm theo Kế hoạch số 02/KH-THTY, ngày 03/9/2025 của Trường Tiểu học Thanh Yên.

Căn cứ tình hình thực tế, Trường Tiểu học Thanh Yên xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và Đề án 06 năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Tỉnh, ngành về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia¹.

2. Tham mưu đầu tư các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, dạy, học; kiểm tra, đánh giá; tiếp tục xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung

¹ Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, các cơ sở giáo dục; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1905/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 832/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin ngành GDĐT tỉnh Điện Biên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 03/03/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 1012/KH-SGDĐT ngày 29/4/2022 của Sở GDĐT về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 902/KH-SGDĐT ngày 20/4/2022 của Sở GDĐT về việc Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 ngành Giáo dục.

toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

3. Tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; triển khai học bạ số.

4. Rà soát, chuẩn hoá các hệ thống phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý, dạy và học tránh lạm dụng, triển khai chồng chéo, trùng lặp, gây lãng phí, khai thác kém hiệu quả, mất nhiều công sức của các nhà trường khi vận hành sử dụng; nghiên cứu triển khai thống nhất, tích hợp đồng bộ các hệ thống theo khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, ngành sẵn sàng kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống cơ sở dữ liệu khác theo yêu cầu.

5. Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo đạt chuẩn về trình độ, tiếp cận và làm chủ công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập; nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, năng lực ứng dụng CNTT; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

6. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu trong toàn ngành.

7. Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, cụ thể:

1.1. Căn cứ tình hình thực tế, nghiên cứu, áp dụng triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng tương tác, trải nghiệm phù hợp (lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo). Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp với từng cấp học, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong, thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

1.2. Triển khai xây dựng phần mềm kho học liệu số của nhà trường theo hướng đồng bộ, liên thông. Kho học liệu số bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử và các học liệu khác; phát triển hệ

thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của ngành, của Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá ².

1.3. Nghiên cứu đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến với một số môn học như Ngoại ngữ, Tin học.

1.4. Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, kỹ năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo,... như: thiết kế trò chơi học tập tương tác (Kahoot, Quizizz, Wordwall,...), công cụ AI hỗ trợ giáo viên (ChatGPT, Copilot, Gemini, Canva Magic Design,...).

1.5. Nghiên cứu, tiếp cận triển khai hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên ³.

1.6. Triển khai phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục. Phần mềm phải được liên thông và khai thác cơ sở dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT, của tỉnh ⁴.

1.7. Hướng dẫn, khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng Internet như: Violympic Toán, Đấu trường Vioedu, IOE tiếng Anh, Trạng Nguyên Tiếng Việt, Sân chơi kỹ năng sống.

1.8. Đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích hợp Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học và Nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

1.9. Ưu tiên kinh phí, nhân lực, hạ tầng để triển khai phòng học thông minh đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất và nhân lực vận hành, khai thác sử dụng.

1.10. Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường:

- Rà soát và tham mưu bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục.

² Hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến: <https://vnedu.vn/>; Trang thông tin điện tử của nhà trường: <https://ththanhyen.huyendienbien.edu.vn/>; Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục - xóa mù chữ: <https://pcgd.moet.gov.vn/>; Hệ thống quản lý hồ sơ công việc: <https://hscvthanhyen.dienbien.gov.vn/>.

³ Thư viện đề kiểm tra Trang thông tin điện tử Sở GDĐT tỉnh: <https://dienbien.edu.vn/>; Kho bài giảng E-Learning: <https://eleaming.moet.edu.vn/>; Hệ tri thức Việt số hóa: <http://giaoduc.itrithuc.vn>.

⁴ Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục: <https://kdcl.csdl.edu.vn/>.

- Nâng cấp hệ điều hành Windows XP, Windows 7 lên Windows 10, 11; cài đặt MicroSoft Office 2010 trở lên đối với các máy tính đáp ứng đủ yêu cầu về cấu hình; cài đặt phần mềm diệt Virus có bản quyền cho các máy tính lưu các dữ liệu quan trọng và có kết nối Internet.

2. Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

2.1. Tiếp tục duy trì, triển khai nền tảng quản trị nhà trường: quản lý hồ sơ, kết quả học tập, quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu giáo dục địa phương và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; tích hợp đăng nhập xác thực bằng tài khoản định danh điện tử cho cán bộ giáo viên trên ứng dụng VNeID của Bộ Công an.

2.2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các ứng dụng hồ sơ điện tử như sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử, chữ ký số điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và Website của nhà trường.

2.3. Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT⁵, gồm:

a) Cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; hoàn thiện việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của Bộ và của tỉnh theo từng kỳ học.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định⁶.

2.4. Tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo các mô hình điểm của Đề án 06 trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, thực hiện thu, nộp học phí và chi trả chế độ chính sách cho học sinh theo phương thức không dùng tiền mặt thông qua phần mềm.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

3.1. Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu cấp.

3.2. Đẩy mạnh thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu theo phương

⁵ Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục <http://csdl.moet.gov.vn>.

⁶ Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT, ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT; Công văn số 2758/SGDĐT-KHTC, ngày 15/9/2025 của Sở GDĐT về việc triển khai công tác báo cáo thống kê lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026.

thức không dùng tiền mặt thông qua giải pháp phần mềm quản lý thống nhất trong toàn ngành. Ưu tiên sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và Đề án 06 đảm bảo hiệu quả. Triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

2. Rà soát, ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT, hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với hệ thống phần mềm triển khai. Phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

3. Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng về ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, giáo viên các nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ, chú trọng đến việc ổn định cán bộ phụ trách CNTT. Khuyến khích cán bộ, giáo viên các nhà trường trong việc tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công việc. Chủ động tiếp cận, làm quen với các nội dung chuyển đổi số và ứng dụng nó trong thực hiện nhiệm vụ được giao đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo về CNTT để nâng cao trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục, cụ thể:

- Rà soát hệ thống máy tính tại các nhà trường để bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, thay thế các máy tính đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, bố trí phân bổ hợp lý số lượng để đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; phủ sóng mạng Wifi trong trường học.

- Nghiên cứu triển khai mô hình phòng học thông minh, trường học thông minh tại một số cơ sở giáo dục đáp ứng được yêu cầu.

- Chủ động tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy - học trực tuyến.

5. Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông

tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục. Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về an toàn, an ninh bảo mật thông tin dữ liệu, phổ biến quán triệt rộng rãi trong cán bộ, giáo viên kiến thức, kỹ năng, quy định về an toàn dữ liệu, an toàn và an ninh thông tin trong quá trình sử dụng Internet và hoạt động của Website các nhà trường, mạng xã hội,...

6. Hằng năm, tổ chức tự đánh giá kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ- BGDDT, ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo quy định.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- Phòng VHXXH (để b/c);
- Trang TTĐT Trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Thu Hương